

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 5 năm 2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Hải Đăng

Ông Lê Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày :

Vào năm 1990, sau thời gian tự tìm hiểu bà H có chung sống với anh Bùi Văn Đ. Hôn nhân tự nguyện nhưng không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống riêng ở xã Thới Quản.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ thay đổi tính tình, khó khăn trong chuyện tiền bạc với vợ, nên vợ chồng thường hay cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021. Nay, bà H xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị xác định có 04 con chung tên: Bùi Thị T – sinh năm 1991; Bùi Thanh Th – sinh năm 1995; Bùi Thị L – sinh năm 1999 và Bùi Kim A – sinh ngày 04/5/2006. Hiện các con Bùi Thị T, Bùi Thanh Th và Bùi Thị L đều trưởng thành và có gia đình riêng. Còn Bùi Kim A hiện đang sống chung với ông Đ, khi ly hôn bà H đồng ý giao cháu A cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ông Bùi Văn Đ có đơn xin vắng mặt, theo các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Đ hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, chỉ hay cãi nhau, nên ông Đ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các con Bùi Thị T, Bùi Thanh Th và Bùi Thị L đều trưởng thành nên không có yêu cầu. ông Đ xin được nuôi cháu Bùi Kim A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã Q, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn Đ. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ

[2]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Thới Quản xác nhận anh chị không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống đến nay anh chị vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn trễ hạn, do đó hôn nhân của anh chị trái với Luật hôn nhân và gia đình và là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình 2014 *“Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*.

Do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn kéo dài bà H và ông Đ đã sống ly thân một thời gian dài, nay bà H yêu cầu được ly hôn. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Bùi Văn Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Trần Thị H và anh Bùi Văn Đ xác định có 04 con chung tên: Bùi Thị T – sinh năm 1991; Bùi Thanh Th – sinh năm 1995; Bùi Thị L – sinh năm 1999 và Bùi Kim A – sinh ngày 04/5/2006. Hiện các con Bùi Thị T, Bùi Thanh Th và Bùi Thị L đều trưởng thành và có gia đình riêng. Còn Bùi Kim A hiện đang sống chung với ông Đ. ông Đ xin được tiếp tục nuôi cháu A, bà H cũng đồng ý giao cháu A cho ông Đ nuôi dưỡng, cháu A cũng có nguyện vọng xin được sống với ông Đ, do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu A cho ông Đ nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Các con Bùi Thị T, Bùi Thanh Th, Bùi Thị L đã trưởng thành, ông bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Đ không có yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000đ buộc chị Trần Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Kim A – sinh ngày 04/5/2006 cho anh Bùi Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006605, ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày ban án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Thới Quản.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh